

**CÔNG TY TNHH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI SUNSHINE VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI SUNSHINE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM SUNSHINE TRADE PROMOTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SUNSHINE TP CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110701897

**3. Ngày thành lập:** 03/05/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô D03-19 Khu đô thị Geleximco, đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0379686155

Fax:

Email: vukimhai226@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ bán buôn động vật sống bị cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>- Bán buôn thủy sản<br>- Bán buôn rau, quả<br>- Bán buôn chè<br>- Bán buôn cà phê<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>- Bán buôn thực phẩm khác: trứng và sản phẩm từ trứng; dầu, mỡ động thực vật; hạt tiêu, gia vị khác<br>- Kinh doanh thực phẩm chức năng<br>- Kinh doanh vi chất dinh dưỡng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng<br>- Kinh doanh phụ gia thực phẩm | 4632     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ uống không có cồn<br>- Bán buôn đồ uống có cồn: Bán buôn bia<br>- Phân phối rượu; Bán buôn rượu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4633 |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4641 |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu<br>(Trừ bán buôn dược phẩm)                                                                                                                                                                                                                                | 4649 |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651 |
| 9.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4652 |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4653 |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác<br>- Mua bán trang thiết bị y tế | 4659 |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4662 |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4663 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>- Bán buôn cao su<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu | 4669        |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ tổ chức hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                          | 8230        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các loại mặt hàng công ty kinh doanh<br>- Hoạt động ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                          | 8299(Chính) |
| 17. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Loại trừ hoạt động tư vấn pháp luật, chứng khoán, kiểm toán)                                                                                                                                                                                                                                   | 7020        |
| 18. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                                                                                                                          | 7320        |
| 19. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Môi giới thương mại<br>(Loại trừ Hoạt động của những nhà báo độc lập, Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Tư vấn chứng khoán)                                                                                               | 7490        |
| 20. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4690        |
| 21. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                        | 4711        |
| 22. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4719        |
| 23. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4722        |
| 24. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ rượu;<br>- Bán lẻ bia;<br>- Bán lẻ đồ không chứa cồn<br>- Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.                                                                                                                       | 4723        |
| 25. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                              | 4724        |
| 26. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1393        |
| 27. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1394        |
| 28. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1399        |
| 29. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1410        |

|     |                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                              | 1430 |
| 31. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                    | 1512 |
| 32. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                | 1520 |
| 33. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                    | 4774 |
| 34. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                  | 4781 |
| 35. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                          | 4782 |
| 36. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                | 4783 |
| 37. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                               | 4784 |
| 38. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản, trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)                               | 4789 |
| 39. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                      | 4791 |
| 40. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                           | 4799 |
| 41. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                              | 4933 |
| 42. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Hoạt động lưu giữ hàng hóa                                                                                               | 5210 |
| 43. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                        | 5224 |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ logistics<br>(Trừ kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay) | 5229 |
| 45. | Bưu chính<br>Chi tiết:<br>-Cung ứng dịch vụ bưu chính trong phạm vi liên tỉnh<br>-Cung ứng dịch vụ bưu chính quốc tế                                              | 5310 |
| 46. | Chuyển phát                                                                                                                                                       | 5320 |
| 47. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                            | 4741 |

|     |                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 48. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                | 4742 |
| 49. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4751 |
| 50. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4752 |
| 51. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                              | 4753 |
| 52. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                  | 4759 |
| 53. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                 | 4761 |
| 54. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                       | 4762 |
| 55. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                               | 4763 |
| 56. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                         | 4764 |
| 57. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                         | 4771 |
| 58. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thuốc<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |
| 59. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng đạn loại dùng để đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí; bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu)                        | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: **VŨ KIM HẢI**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: **29/05/1983**

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **030083027937**

Ngày cấp: **05/07/2021**

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 35 đường Trần Ích Phát, Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 35 đường Trần Ích Phát, Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ KIM HẢI**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *29/05/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030083027937*

Ngày cấp: *05/07/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 35 đường Trần Ích Phát, Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 35 đường Trần Ích Phát, Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*